

DANH SÁCH NGƯỜI HỌC XÃ A MÚ SUNG THAM DỰ XÉT TUYỂN VÀO LỚP 10  
NĂM HỌC 2021-2022

| Số TT | Họ và tên                      |        | Ngày tháng năm sinh | Nơi sinh (huyện - tỉnh) | Giới tính | Dân tộc | Học sinh trường THCS     | Điểm tính theo KQ rèn luyện và học tập |       |       |       | Điểm UT | Điểm KK | Tổng điểm | KQ xét tuyển | Ghi chú /TBM lớp 9 |
|-------|--------------------------------|--------|---------------------|-------------------------|-----------|---------|--------------------------|----------------------------------------|-------|-------|-------|---------|---------|-----------|--------------|--------------------|
|       |                                |        |                     |                         |           |         |                          | Lớp 6                                  | Lớp 7 | Lớp 8 | Lớp 9 |         |         |           |              |                    |
| I     | Trúng tuyển đợt xét chính thức |        |                     |                         |           |         |                          |                                        |       |       |       |         |         |           |              |                    |
| 1     | Tần Sĩ                         | Mây    | 1/29/2006           | Bát Xát- Lào Cai        | Nữ        | Dao     | PTDTBT TH&THCS A Mú Sung | 9                                      | 10    | 10    | 10    | 1       |         | 40        | Đỗ           |                    |
| 2     | Sùng Thị                       | Dung   | 7/20/2006           | Bát Xát- Lào Cai        | Nữ        | H Mông  | PTDTBT TH&THCS A Mú Sung | 9                                      | 9     | 9     | 9     | 1       |         | 37        | Đỗ           |                    |
| 3     | Vàng Thị                       | Pà     | 2/23/2006           | Bát Xát - Lào Cai       | Nữ        | Hmông   | PTDTBT TH&THCS A Mú Sung | 9                                      | 9     | 9     | 9     | 1       |         | 37        | Đỗ           |                    |
| 4     | Chảo Lở                        | Mây    | 8/6/2006            | Bát Xát - Lào Cai       | Nữ        | Dao     | PTDTBT TH&THCS A Mú Sung | 9                                      | 9     | 9     | 9     | 1       |         | 37        | Đỗ           |                    |
| 5     | Chảo Sừ                        | Mây    | 9/15/2005           | Bát Xát - Lào Cai       | Nữ        | Dao     | PTDTBT TH&THCS A Mú Sung | 9                                      | 9     | 9     | 9     | 1       |         | 37        | Đỗ           |                    |
| 6     | Phùng Tả                       | Mây    | 9/18/2005           | Bát Xát - Lào Cai       | Nữ        | Dao     | PTDTBT TH&THCS A Mú Sung | 9                                      | 9     | 9     | 9     | 1       |         | 37        | Đỗ           |                    |
| 7     | Tần Lở                         | Mây    | 6/29/2006           | Bát Xát - Lào Cai       | Nữ        | Dao     | PTDTBT TH&THCS A Mú Sung | 9                                      | 9     | 9     | 9     | 1       |         | 37        | Đỗ           |                    |
| 8     | Sùng Thị                       | Mạnh   | 1/2/2006            | Bát Xát - Lào Cai       | Nữ        | Hmông   | PTDTBT TH&THCS A Mú Sung | 9                                      | 9     | 9     | 9     | 1       |         | 37        | Đỗ           |                    |
| 9     | Tần Tả                         | Mây    | 27/02/2006          | Lào Cai                 | Nữ        | Dao     | PTDTBT TH&THCS A Mú Sung | 7                                      | 9     | 9     | 9     | 1       |         | 35        | Đỗ           |                    |
| 10    | Lý Thị                         | Mao    | 7/29/2006           | Bát Xát - Lào Cai       | Nữ        | Hmông   | PTDTBT TH&THCS A Mú Sung | 7                                      | 9     | 9     | 9     | 1       |         | 35        | Đỗ           |                    |
| 11    | Lò Thị                         | Cú     | 3/29/2006           | Mường Khương - Lào Cai  | Nữ        | Hmông   | PTDTBT TH&THCS A Mú Sung | 7                                      | 9     | 9     | 9     | 1       |         | 35        | Đỗ           |                    |
| 12    | Lý Thị                         | Sánh   | 5/25/2006           | Bát Xát - Lào Cai       | Nữ        | Hmông   | PTDTBT TH&THCS A Mú Sung | 7                                      | 7     | 9     | 9     | 1       |         | 33        | Đỗ           |                    |
| 13    | Tần Láo                        | Tả Mìn | 24/03/2006          | Lào Cai                 | Nam       | Dao     | PTDTBT TH&THCS A Mú Sung | 7                                      | 6     | 9     | 9     | 1       |         | 32        | Đỗ           |                    |
| 14    | Sùng A                         | Húa    | 2/28/2006           | Bát Xát - Lào Cai       | Nam       | Hmông   | PTDTBT TH&THCS A Mú Sung | 6                                      | 7     | 7     | 9     | 1       |         | 30        | Đỗ           |                    |
| 15    | Tần Tả                         | Mây    | 3/11/2006           | Bát Xát - Lào Cai       | Nữ        | Dao     | PTDTBT TH&THCS A Mú Sung | 7                                      | 7     | 7     | 7     | 1       |         | 29        | Đỗ           | 6.4                |
| 16    | Sùng Seo                       | Quảng  | 8/29/2006           | Mường Khương - Lào Cai  | Nam       | Hmông   | PTDTBT TH&THCS A Mú Sung | 7                                      | 7     | 7     | 7     | 1       |         | 29        | Đỗ           | 6.3                |
| 17    | Sùng Văn                       | Thành  | 7/29/2006           | Mường Khương - Lào Cai  | Nam       | Hmông   | PTDTBT TH&THCS A Mú Sung | 7                                      | 7     | 7     | 7     | 1       |         | 29        | Đỗ           | 6.2                |
| 18    | Lò Láo                         | Ú      | 6/6/2006            | Bát Xát - Lào Cai       | Nam       | Dao     | PTDTBT TH&THCS A Mú Sung | 7                                      | 7     | 7     | 7     | 1       |         | 29        | Đỗ           | 6.1                |
| 19    | Sùng A                         | Páo    | 10/14/2006          | Bát Xát - Lào Cai       | Nam       | Hmông   | PTDTBT TH&THCS A Mú Sung | 7                                      | 7     | 7     | 7     | 1       |         | 29        | Đỗ           | 6.0                |
| II    | Chờ đợt xét tuyển bổ sung      |        |                     |                         |           |         |                          |                                        |       |       |       |         |         |           |              |                    |
| 20    | Ma Văn                         | Cường  | 22/02/2006          | Lào Cai                 | Nam       | Hmông   | PTDTBT TH&THCS A Mú Sung | 7                                      | 5     | 6     | 7     | 1       |         | 26        | Hông         |                    |
| 21    | Tần A                          | Giang  | 12/7/2005           | Bát Xát - Lào Cai       | Nam       | Dao     | PTDTBT TH&THCS A Mú Sung | 5                                      | 5     | 5     | 5     | 1       |         | 21        | Hông         |                    |